TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 22 – 9 – 2024.
"V/v ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Trịnh Văn Hưng.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H , sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn H , xã C , huyện TK , tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Doãn K , sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn H , xã C , huyện TK, tỉnh Hải Dương.

(Chị H có mặt, anh K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Doãn K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND xã TK (nay là xã C), huyện TK, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/4/2016. Sau kết hôn, vợ chồng chị sống cùng bố mẹ chồng được ba năm sau đó hai vợ chồng ra sống tại nhà riêng cùng thôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng tám năm. Đến đầu năm 2024, vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh K không tôn trọng và thường xuyên có những lời lẽ đe dọa, xúc phạm chị, vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Tháng 3 năm 2024, chị về nhà bố mẹ đẻ ở thôn MX, xã QP, huyện TK sống và sống ly thân với anh K cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm với anh K không còn nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Doãn K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh Nguyễn Doãn K đến Toà làm việc nhưng anh K không đến, không có văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của anh đối với yêu cầu của chị H và vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Kết quả làm việc với ông Nguyễn Doãn Y (là cha ruột của anh Nguyễn Doãn K) thể hiện: Anh K và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CM ngày 20/4/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại thôn H, xã CM. Vợ chồng chung sống bình thường. Tuy nhiên, vợ chồng chị H và anh K không có con chung nên có thể vì điều này mà vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ ngày 08/01/2024 (âm lịch), chị H về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng chị không còn sống chung cho đến nay. Gia đình cũng đã khuyên bảo hai vợ chồng nhưng chị H vẫn kiên quyết không đoàn tụ với anh K . Nay, chị H xin ly hôn với anh K , ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả làm việc với bà Hoàng Thị Đ (mẹ đẻ của chị Phạm Thị H) thể hiện: Chị H và anh K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị H chung sống với nhà chồng ở thôn H, xã C, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc sau đó có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không chia sẻ được với nhau, hai vợ chồng không có con chung. Từ tháng 3 năm 2024 chị H đã về nhà bà sống cho đến nay. Thời gian chị H ở nhà bà thì anh K cũng không lên hỏi thăm mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau. Bà luôn mong muốn vợ chồng chị H và anh K quay về đoàn tụ với nhau, nhưng thấy rằng anh K và chị H không còn quan tâm đến nhau, không thể đoàn tụ, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị H để chị H sớm ổn định cuộc sống.

Kết quả làm việc với đại diện Ủy ban nhân dân xã Chí Minh và các đoàn thể xã, trưởng thôn H thể hiện: Anh K và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện TK, tỉnh Hải Dương ngày 20/4/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tập trung kinh tế. Đầu năm 2024, chị H về nhà mẹ đẻ của chị và không còn chung sống với anh K cho đến nay. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn với anh K, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H và anh K không có con chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H , xử cho chị H ly hôn với anh K ; Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Doãn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Doãn K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện TK, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/4/2016 nên hôn nhân giữa chị H và anh K là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời trình bày của chị H , lời khai ông Yêu (bố đẻ anh K), lời khai của bà Đ (mẹ đẻ chị H) và biên bản xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh K là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong tính cách, vợ chồng không tập trung kinh tế. Từ đầu năm 2024, chị H đã về sống ở nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng. Đối với anh K, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K, anh K nhận văn bản nhưng không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, không có văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị H và vắng mặt tại phiên tòa. Qua đó thể hiện, anh K biết chị H đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh nhưng anh không quan tâm, không có thiện chí đoàn tụ và không mong muốn tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình cùng với chị H . Như vậy, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa anh K và chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa anh và chị không đạt được nên căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H , xử cho chị H được ly hôn với anh K .

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Doãn K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội

đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ….án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H . Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Doãn K .

[2] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, theo biên lai số: 0004894 ngày 02 tháng 5 năm 2024.

[3] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Doãn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã C, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mỹ Như